

Publication 17

Thuế thu nhập Liên bang của bạn Dành cho Cá nhân

Để sử dụng trong
việc chuẩn bị

Tờ khai **2024**

Volume 11 of 15



This page is intentionally left blank



Thuế gián thu đối với các khoản phân phối ít hơn số tiền phân phối tối thiểu bắt buộc sẽ giảm xuống 25% cho các năm tính thuế bắt đầu sau ngày 29 tháng 12, 2022. Ngoài ra, còn có mức giảm bổ sung xuống 10% đối với những người đóng thuế đáp ứng các yêu cầu bổ sung. Xem Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Yêu cầu miễn thuế. Nếu tích lũy vượt mức do lỗi hợp lý và bạn đã hoặc đang thực hiện các bước để khắc phục việc phân phối còn thiếu, bạn có thể yêu cầu miễn thuế. Nếu bạn cho rằng mình đủ điều kiện để được miễn thuế, vui lòng đính kèm một bản tường trình và hoàn thành Mẫu 5329 như hướng dẫn trong mục *Waiver of tax for reasonable cause* (*Miễn thuế vì lý do hợp lý*) trong phần Hướng dẫn cho Mẫu 5329.

Miễn thuế. Nếu bạn không thể thực hiện được phân phối bắt buộc đã đầu tư IRA truyền thống vào hợp đồng được phát hành bởi một công ty bảo hiểm phát hành đang

tiến hành tố tụng vi phạm pháp luật của nhà bảo hiểm cấp tiểu bang, thì không áp dụng thuế gián thu 25% nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu của Quy trình Thuế vụ 92-10.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về tích lũy vượt mức, tham khảo phần *Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?* trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B.

Khai báo thuế bổ sung

Thông thường, bạn phải sử dụng Mẫu 5329 để khai báo đóng góp vượt mức, phân phối sớm và tích lũy vượt mức.

Nộp tờ khai thuế. Nếu bạn phải nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân, hãy hoàn thành Mẫu 5329 và đính kèm với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của mình. Nhập tổng số thuế bổ sung đến hạn vào Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 8.

Không nộp tờ khai thuế. Nếu bạn không phải nộp tờ khai thuế nhưng phải trả một trong những khoản thuế bổ sung được nêu trên, hãy nộp Mẫu 5329 đã điền hoàn chỉnh

cùng với IRS vào thời điểm và địa điểm mà bạn sẽ khai Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Hãy đảm bảo ghi địa chỉ của bạn ở trang 1 và ký tên và ghi ngày tháng ở trang 2. Gửi kèm, nhưng không đính kèm, séc hoặc lệnh phiếu phải trả cho "United States Treasury (Bộ Tài chính Hoa Kỳ)" cho khoản thuế bạn nợ, như được thể hiện trên Mẫu 5329. Nhập số an sinh xã hội của bạn và "2024 Form 5329 (Mẫu 5329 năm 2024)" trên séc hoặc lệnh phiếu.

Mẫu 5329 không bắt buộc. Bạn không phải sử dụng Mẫu 5329 trong bất kỳ trường hợp nào sau đây.

- Mã phân phối 1 (phân phối sớm) được thể hiện đúng trong ô 7 của tất cả các Mẫu 1099-R của bạn. Nếu bạn không nợ bất kỳ khoản thuế bổ sung nào trên phân phối, nhân phần phân phối sớm phải chịu thuế với 10% (0,10) và điền kết quả vào Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 6. Nhập "No (Không)" vào bên trái dòng để thể hiện bạn không phải khai Mẫu 5329. Tuy

nhien, nếu bạn nợ thuế này và cũng nợ thuế bổ sung trên phân phối, không trực tiếp điền thuế bổ sung 10% này vào Mẫu 1040 hay 1040-SR. Bạn phải khai Mẫu 5329 để báo cáo thuế bổ sung của mình.

- Nếu bạn chuyển một phần hoặc toàn bộ phân phối từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện, phần chuyển tiếp không phải chịu thuế trên phân phối sớm.
- Nếu bạn có một khoản phân phối đủ điều kiện do thiên tai.

IRA Roth

Dù bạn bao nhiêu tuổi, bạn có thể thiết lập và thực hiện đóng góp không khấu trừ cho một chương tình hưu trí được gọi là IRA Roth.

Đóng góp không được khai báo. Bạn không khai báo đóng góp IRA Roth trên tờ khai thuế của mình.

IRA Roth là gì?

IRA Roth là một kế hoạch hưu trí cá nhân mà, ngoài được giải thích trong chương này, còn tuân theo các quy định áp dụng cho một IRA truyền thống (được định nghĩa ở trên). Đây có thể là một tài khoản hoặc một niên kim. Tài khoản hưu trí cá nhân và niên kim được mô tả ở phần *How Can a Traditional IRA Be Opened? (Làm thế nào để mở IRA truyền thống?)* trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

Để trở thành một IRA Roth, tài khoản hoặc niên kim phải được chỉ định là IRA Roth khi được mở. Một IRA mô phỏng có thể được coi là IRA Roth. Bắt đầu vào năm thuế 2024 cả hai IRA SEP hoặc SIMPLE đều có thể được chỉ định là IRA Roth.

Không giống như IRA truyền thống, bạn không thể khấu trừ đóng góp vào IRA Roth. Nhưng nếu đáp ứng các yêu cầu,

phân phối đủ điều kiện (được nêu dưới đây) được miễn thuế. Bạn có thể để các khoản tiền trong IRA Roth của mình suốt đời.

Khi nào có thể mở một IRA Roth?

Bạn có thể mở IRA Roth bất kỳ thời điểm nào. Tuy nhiên, thời gian đóng góp cho từng năm là có giới hạn. Xem Khi nào bạn có thể thực hiện đóng góp, dưới đây, trong phần *Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không?* tiếp theo.

Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không?

Thông thường, bạn có thể đóng góp vào IRA Roth nếu có thù lao chịu thuế (được định nghĩa dưới đây) và AGI đã sửa đổi của bạn (được định nghĩa dưới đây) dưới:

- \$240.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện;
- \$161.000 cho người độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế

và bạn đã không sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm; hoặc

- \$10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.



Bạn có thể đủ điều kiện để yêu cầu một khoản tín dụng cho khoản đóng góp vào IRA Roth. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem chương 3 của Ấn phẩm 590-A.

Đóng góp có giới hạn tuổi không? Bạn có thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth ở mọi độ tuổi.

Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth cho vợ/ chồng mình không? Bạn có thể đóng góp vào IRA

Roth cho vợ/chồng mình miễn là đóng góp đáp ứng giới hạn của IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison (được nêu trong phần Có thể đóng góp bao nhiêu,

đề cập trước đó trong phần *IRA truyền thống*), vợ chồng bạn khai chung hồ sơ thuế, và AGI đã sửa đổi ít hơn \$240.000.

Thù lao. Thù lao bao gồm tiền công, tiền lương, tiền bo, phí chuyên môn, tiền thưởng và các khoản khác nhận được khi cung cấp dịch vụ cá nhân. Thù lao cũng bao gồm hoa hồng, thu nhập tự doanh, lương chiến đấu không chịu thuế, tiền trả chênh lệch quân đội, và tiền cấp dưỡng ly hôn chịu thuế, các khoản thanh toán bảo dưỡng ly thân, và các khoản thanh toán học bổng phi học phí chịu thuế và trợ cấp.

Xem *Thù lao là gì* để biết thêm thông tin.

AGI đã sửa đổi. AGI đã sửa đổi của bạn cho mục đích IRA Roth là AGI của bạn như thể hiện trong tờ khai thuế với một số điều chỉnh. Sử dụng Bảng tính 9-2 dưới đây để xác định AGI đã sửa đổi của bạn.

Bảng tính 9-2. **AGI đã sửa đổi cho mục đích IRA Roth**

Lưu giữ cho hồ sơ của bạn



Sử dụng bảng tính này để tính tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới của bạn cho mục đích IRA Roth.

1.	Nhập AGI của bạn từ Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11	1.	
2.	Nhập các khoản thu nhập có được từ việc chuyển đổi IRA (không phải IRA Roth) sang IRA Roth (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b) và chuyển từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 5b)	2.	
3.	Lấy dòng 1 trừ dòng 2	3.	
4.	Nhập bất kỳ khoản khấu trừ IRA truyền thống nào vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 20	4.	
5.	Nhập tất cả khoản khấu trừ lãi vay sinh viên từ Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 21	5.	
6.	Nhập tất cả khoản thu nhập kiếm được từ nước ngoài và/hoặc chi phí về nhà cửa ở nước ngoài bị loại trừ từ Mẫu 2555, dòng 45	6.	
7.	Nhập tất cả các khoản khấu trừ chi phí về nhà cửa ở nước ngoài từ Mẫu 2555, dòng 50	7.	
8.	Nhập các khoản lãi suất trái phiếu tiết kiệm được loại trừ từ Mẫu 8815, dòng 14	8.	
9.	Nhập tất cả quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp bị loại trừ từ Mẫu 8839, dòng 28	9.	
10.	Cộng số liệu các dòng từ 3 đến 9	10.	
11.	Nhập: <ul style="list-style-type: none">• \$240.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện,• \$10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm, hoặc• \$161.000 cho tất cả các trường hợp khác.	11.	

Số liệu ở dòng 10 có lớn hơn ở dòng 11 không?
Nếu có, hãy tham khảo **Ghi chú** dưới đây.
Nếu không, thì số liệu ở dòng 10 là **AGI đã sửa đổi** của bạn cho mục đích IRA Roth.

Ghi chú. Nếu số liệu ở dòng 10 lớn hơn dòng 11 và bạn có các mục thu nhập hoặc lỗ khác, như thu nhập an sinh xã hội hay lỗ hoạt động thụ động, đó là thuế bãi miễn tính theo AGI, bạn có thể tính toán lại AGI chỉ cho mục đích tính toán AGI đã sửa đổi cho mục đích IRA Roth. (Nếu bạn nhận trợ cấp an sinh xã hội, hãy sử dụng Bảng tính 1 trong *Phụ lục B* của Ấn phẩm 590-A để tính AGI của bạn.) Sau đó đến dòng 3 ở trên Bảng tính 9-2 để tính toán lại AGI đã sửa đổi của bạn. Nếu bạn không có mục thu nhập hay lỗ khác chịu thuế bãi miễn tính theo AGI, AGI đã sửa đổi của bạn cho mục đích IRA Roth là số liệu ở dòng 10.

Trang này cố ý để trống

Có thể đóng góp bao nhiêu?

Hạn mức đóng góp cho IRA Roth thường phụ thuộc vào việc các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho IRA Roth hay cho cả IRA truyền thống và IRA Roth.

Chỉ IRA Roth. Nếu các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho IRA Roth, thông thường hạn mức đóng góp của bạn sẽ nhỏ hơn trong các số tiền sau.

- \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
- Thù lao chịu thuế của bạn.

Tuy nhiên, nếu AGI đã sửa đổi của bạn ở trên một mức nhất định, hạn mức đóng góp có thể được giảm, như được nêu dưới đây trong phần Hạn mức đóng góp bị giảm.

IRA Roth và IRA truyền thống. Nếu đóng góp được thực hiện cho cả IRA Roth và IRA truyền thống thiết lập cho quyền lợi của bạn, hạn mức đóng góp của bạn cho IRA Roth

thường tương đương với hạn mức đóng góp khi chỉ thực hiện cho IRA Roth, nhưng sau đó được giảm tất cả các khoản đóng góp trong năm cho tất cả các IRA khác ngoài IRA Roth. Đóng góp của chủ lao động trong chương trình SEP hoặc SIMPLE không ảnh hưởng đến hạn mức này.

Tức là hạn mức đóng góp của bạn thường là khoản nhỏ hơn trong các khoản dưới đây.

- \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024) trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài đóng góp của chủ lao động theo chương trình SEP hoặc SIMPLE) trong năm cho tất cả IRA ngoài IRA Roth.
- Thù lao chịu thuế của bạn trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài đóng góp của chủ lao động theo chương trình SEP hoặc SIMPLE) trong năm cho tất cả IRA ngoài IRA Roth.

Tuy nhiên, nếu AGI đã sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, hạn mức đóng góp của bạn có thể được giảm, như được giải thích dưới đây trong phần *Hạn mức đóng góp bị giảm*.

Hạn mức đóng góp bị giảm. Nếu AGI đã sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, hạn mức đóng góp của bạn sẽ giảm dần. Sử dụng Bảng 9-3 để xác định hạn mức áp dụng với bạn.

Tính toán mức giảm. Nếu khoản tiền bạn đóng góp cho IRA Roth của mình được giảm, hãy tham khảo Bảng tính 2-2 thuộc phần *Can You Contribute to a Roth IRA (Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không)?* trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A để xem cách tính toán mức giảm.

Khi nào bạn có thể thực hiện đóng góp?

Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth trong một năm vào bất kỳ thời điểm nào trong năm hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế cho năm đó (không tính gia hạn).



Bạn có thể đóng góp cho năm 2024 không muộn hơn ngày đến hạn (không tính gia hạn) khai thuế 2024.

Nếu bạn đóng góp quá nhiều thì sao?

Thuế gián thu 6% áp dụng cho số tiền đóng góp vượt mức cho IRA Roth.

Bảng 9-3. Ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi đối với đóng góp IRA Roth

Bảng này thể hiện đóng góp của bạn vào IRA Roth có bị ảnh hưởng bởi AGI đã sửa đổi của bạn không.

NẾU bạn có thù lao chịu thuế và tư cách khai thuế của bạn là...	VÀ AGI đã sửa đổi của bạn là...	THÌ...
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	ít hơn \$230.000	bạn có thể đóng góp tối đa \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
	ít nhất \$230.000 nhưng dưới \$240.000	số tiền bạn có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Contribution limit reduced (Hạn mức đóng góp bị giảm)</i> trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.
	\$240.000 trở lên	bạn không thể đóng góp cho IRA Roth.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	không (-0-)	bạn có thể đóng góp tối đa \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
	lớn hơn không (-0-) nhưng nhỏ hơn \$10.000	số tiền bạn có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Contribution limit reduced (Hạn mức đóng góp bị giảm)</i> trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.
	\$10.000 trở lên	bạn không thể đóng góp cho IRA Roth.
Độc thân, Chủ gia đình, hoặc Vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã không sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	ít hơn \$146.000	bạn có thể đóng góp tối đa \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
	ít nhất \$146.000 nhưng dưới \$161.000	số tiền bạn có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Contribution limit reduced (Hạn mức đóng góp bị giảm)</i> trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.
	\$161.000 trở lên	bạn không thể đóng góp cho IRA Roth.

Trang này cố ý để trống

Đóng góp vượt mức. Đây là những khoản đóng góp cho IRA Roth của bạn trong một năm bằng với tổng của:

1. Các khoản đóng góp cho năm chịu thuế vào IRA Roth của bạn (ngoài số tiền đã chuyển tiếp hợp lý và đúng hạn từ một IRA Roth hoặc chuyển đổi hợp lý từ một IRA truyền thống hoặc chuyển tiếp từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện, như được nêu ở phần sau) mà lớn hơn hạn mức đóng góp cho năm đó; cộng với
2. Mọi số tiền đóng góp vượt mức cho năm trước, trừ đi tổng của:
 - a. Các khoản đóng góp ngoài IRA Roth của bạn trong năm đó, cộng
 - b. Hạn mức đóng góp của bạn cho năm đó trừ đi đóng góp cho tất cả IRA của bạn trong năm.

Rút tiền đóng góp vượt mức. Với mục đích xác định tiền đóng góp vượt mức, các khoản đóng góp được rút ra vào hoặc trước ngày đến hạn (tính cả gia hạn) để khai thuế cho năm được coi như khoản tiền không được đóng góp. Chỉ áp dụng như vậy nếu rút đồng thời các khoản thu nhập kiểm được trên các khoản đóng góp. Các khoản thu nhập được coi là kiểm được và nhận được trong năm có số tiền đóng góp vượt mức.

Áp dụng số tiền đóng góp vượt mức. Nếu khoản đóng góp cho IRA của bạn trong một năm lớn hơn hạn mức, bạn có thể áp dụng số tiền đóng góp vượt mức trong một năm cho năm sau đó nếu khoản đóng góp cho năm sau đó thấp hơn hạn mức tối đa cho phép trong năm đó.

Bạn có thể chuyển tiền vào IRA Roth không?

Bạn có thể chuyển đổi các khoản tiền từ một IRA truyền thống, SEP, hoặc SIMPLE sang IRA Roth. Bạn có thể chuyển tiếp các khoản tiền từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth. Bạn có thể tái xác định các khoản phân phối cho một IRA như phân phối trực tiếp cho một IRA khác. Bạn có thể chuyển các khoản tiền từ tài Roth được chỉ định hoặc từ IRA Roth này sang IRA Roth khác.

Chuyển đổi

Bạn có thể chuyển đổi một IRA truyền thống sang IRA Roth. Việc chuyển đổi được coi như chuyển tiếp, dù sử dụng phương pháp chuyển đổi nào. Hầu hết các quy định chuyển tiếp được nêu cụ thể trước đó trong mục *Chuyển tiếp từ IRA này sang IRA khác* thuộc phần *IRA truyền thống*, đều áp dụng cho chuyển tiếp. Tuy nhiên, không áp dụng khoảng thời gian đợi 1 năm.

Phương pháp chuyển đổi. Bạn có thể chuyển đổi khoản tiền từ một IRA truyền thống sang IRA Roth bằng một trong những cách dưới đây.

- ***Chuyển tiếp.*** Bạn có thể nhận một khoản phân phối từ IRA truyền thống và chuyển khoản đó (đóng góp) qua IRA Roth trong vòng 60 ngày sau khi phân phối.
- ***Chuyển qua từ người được ủy thác tới người được ủy thác khác.*** Bạn có thể ra lệnh người được ủy thác của IRA truyền thống chuyển qua khoản tiền từ IRA truyền thống cho người được ủy thác của IRA Roth.
- ***Chuyển qua cùng người ủy thác.*** Nếu người được ủy thác của IRA truyền thống cũng duy trì IRA Roth, bạn có thể ra lệnh người được ủy thác chuyển qua một khoản tiền từ IRA truyền thống sang IRA Roth.

Cùng người được ủy thác. Có thể thực hiện chuyển đổi với cùng một người được ủy bằng cách thiết kế lại IRA truyền thống thành IRA Roth, thay vì mở tài khoản mới hoặc phát hành hợp đồng mới.

Chuyển từ chương trình nghỉ hưu đủ điều kiện qua IRA Roth. Bạn có thể chuyển tiếp IRA Roth tất cả hoặc một phần của phân phối chuyển tiếp đủ điều kiện mà bạn nhận được từ (hoặc vợ/chồng quá cố của bạn):

- Chương trình hưu bổng, lợi nhuận chia sẻ, hoặc thưởng cổ phiếu của chủ lao động;
- Chương trình niên kim;
- Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)); hoặc
- Chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (chương trình theo đoạn 457).

Các khoản tiền được chuyển tiếp tuân theo các quy định tương tự như khi chuyển đổi từ IRA truyền thống sang IRA Roth. Đồng thời, khoản đóng góp chuyển tiếp phải đáp ứng các yêu cầu chuyển tiếp áp dụng cho từng loại kế hoạch hưu trí cụ thể.

Thu nhập. Bạn phải tính vào tổng thu nhập các khoản phân phối từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện mà bạn phải tính vào thu nhập nếu không chuyển tiếp IRA Roth. Bạn không tính vào tổng thu nhập phần nào của phân phối từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện là khoản hoàn lại vốn giá gốc (đóng góp sau thuế) cho chương trình bạn đã chịu thuế khi được thanh toán. Những khoản tiền này thường được tính vào thu nhập trong tờ khai thuế của bạn cho năm chuyển từ chương trình của chủ lao động đủ điều kiện qua IRA Roth.



Nếu phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền bất kỳ, bạn có thể phải tăng khấu lưu và thực hiện thanh toán thuế ước tính. Xem Ấn phẩm 505, Khấu lưu thuế và Thuế ước tính.

Để biết thêm thông tin, xem phần *Rollover From Employer's Plan Into a Roth IRA* (Chuyển qua từ chương trình của chủ lao động sang IRA Roth) trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.

Chuyển đổi từ IRA SIMPLE. Thông thường, bạn có thể chuyển đổi một khoản tiền trong IRA SIMPLE của mình sang một IRA Roth áp dụng các quy định tương tự được nêu cụ thể trước đó trong mục Chuyển đổi từ bất kỳ IRA truyền thống nào sang IRA Roth thuộc phần *IRA truyền thống*.

Tuy nhiên, bạn không thể chuyển đổi khoản tiền phân phối từ IRA SIMPLE trong khoảng thời gian 2 năm bắt đầu từ ngày bạn lần đầu tham gia chương trình IRA SIMPLE do chủ lao động duy trì.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về chuyển đổi, xem *Can You Move Amounts Into a IRA Roth?* (Bạn có thể chuyển tiền vào một IRA Roth không?) trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.

Chuyển tiếp từ IRA Roth

Bạn có thể rút tiền, miễn thuế, toàn bộ hoặc một phần những tài sản này từ một IRA Roth nếu bạn đóng góp các khoản này trong vòng 60 ngày vào một IRA Roth khác. Hầu hết các quy định chuyển tiếp đã được nêu cụ thể trước đó trong mục Chuyển tiếp từ IRA này sang IRA khác thuộc phần *IRA truyền thống*, áp dụng cho các khoản chuyển tiếp này.

Chuyển từ tài khoản Roth được chỉ định.

Chỉ có thể thực hiện chuyển tiếp tài khoản Roth được chỉ định sang tài khoản Roth được chỉ định khác hoặc tới IRA Roth. Để tìm hiểu thêm thông tin về tài khoản Roth được chỉ định, tham khảo *Designated Roth accounts* (các tài khoản Roth được chỉ định) ở phần *Rollovers (Chuyển tiếp)* trong Ấn phẩm 575.

Các khoản phân phối có chịu thuế không?

Bạn không tính vào tổng thu nhập của mình các khoản phân phối đủ điều kiện hoặc phân phối là các khoản đóng góp thông thường hoàn lại từ (các) IRA Roth. Bạn cũng không tính các khoản phân phối từ IRA Roth mà bạn chuyển miễn thuế sang IRA Roth khác. Bạn có thể phải tính một phần phân phối vào thu nhập của mình. Xem mục *Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối*, dưới đây.

Thế nào là phân phối đủ điều kiện? Phân phối đủ điều kiện là bất kỳ khoản thanh toán hoặc phân phối nào từ IRA Roth của bạn đáp ứng các yêu cầu sau.

1. Phân phối được thực hiện sau khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ năm chịu thuế đầu tiên thực hiện khoản đóng góp cho IRA Roth được thiết lập vì lợi ích của bạn.
2. Khoản thanh toán hoặc phân phối:

- a. Được thực hiện vào hoặc sau ngày bạn đủ 59 tuổi^{1/2},
- b. Được thực hiện do bạn là người tàn tật,
- c. Được thực hiện cho người thụ hưởng hoặc tài sản của bạn sau khi bạn qua đời, hoặc
- d. Để trả tối đa \$10.000 (hạn mức trọn đời) số tiền tín thuế cho người mua nhà lần đầu đủ điều kiện nhất định. Xem mục *Mua nhà lần đầu* thuộc phần *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes?* (Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Thuế bổ sung trên một số khoản phân phối chuyển đổi và đóng góp chuyển tiếp trong khoảng thời gian 5 năm. Nếu, trong khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm chịu thuế mà bạn chuyển đổi một số tiền từ IRA truyền thống hoặc chuyển một số tiền từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện qua IRA Roth, bạn sẽ nhận được phân phối từ IRA Roth, bạn có thể phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho các khoản phân phối sớm. Thông thường, bạn phải trả thuế bổ sung 10% trên các khoản được quy cho một phần của số tiền được chuyển đổi hoặc chuyển tiếp (khoản đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển tiếp) mà bạn phải tính vào thu nhập. Khoảng thời gian 5 năm riêng biệt áp dụng cho mỗi lần chuyển đổi và chuyển tiếp. Xem mục *Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối*, dưới đây, để xác định khoản tiền phân phối, nếu có, được quy cho phần đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển tiếp mà bạn phải tính vào thu nhập.

Thuế bổ sung trên các khoản phân phối sớm khác. Trừ khi có ngoại lệ, bạn phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho phần phân phối chịu thuế không phải là khoản phân phối đủ điều kiện. Xem Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối. Nếu phân phối từ IRA Roth bạn nhận không phải là phân phối đủ điều kiện, một phần phân phối có thể bị đánh thuế. Có một thứ tự nhất định để xem xét các khoản đóng góp (bao gồm các khoản đóng góp chuyển đổi và chuyển tiếp từ các kế hoạch hưu trí đủ điều kiện) và thu nhập là phân phối từ IRA Roth của bạn. Các khoản đóng góp thường xuyên được phân phối trước. Xem mục *Ordering Rules for Distributions (Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối)* thuộc phần *Are Distributions Taxable? (Các khoản phân phối có chịu thuế không?)* trong chương 2 của Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Bạn có phải rút tiền hay sử dụng tài sản IRA Roth? Bạn không bắt buộc phải nhận phân phối từ IRA Roth của mình ở bất kỳ tuổi nào. Các quy định phân phối tối thiểu áp dụng cho IRA truyền thống không áp dụng cho IRA Roth khi chủ sở hữu còn sống. Tuy nhiên, sau khi chủ sở hữu IRA Roth qua đời, các quy định phân phối tối thiểu nhất định áp dụng cho IRA truyền thống cũng áp dụng cho IRA Roth.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về IRA Roth, tham khảo chương 2 của Ấn phẩm 590-A và Ấn phẩm 590-B.

Phần Ba.

Khấu trừ tiêu chuẩn, Khấu trừ từng khoản và các khoản Khấu trừ khác

Sau khi bạn tính được tổng thu nhập đã điều chỉnh của mình, bạn đã sẵn sàng trừ đi các khoản khấu trừ được sử dụng để tính thu

nhập chịu thuế. Bạn có thể trừ đi mức khấu trừ tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản, và cả tiền khấu trừ thu nhập kinh doanh đủ tiêu chuẩn nếu bạn đủ tiêu chuẩn. Khấu trừ từng khoản là các khoản khấu trừ cho một số chi phí nhất định được liệt kê trên Bảng A (Mẫu 1040). Ba chương trong phần này trình bày về khoản khấu trừ tiêu chuẩn và một số khoản khấu trừ từng khoản. Xem chương 10 để biết các yếu tố cần cân nhắc khi quyết định nên áp dụng mức giảm thuế tiêu chuẩn hay khấu trừ từng khoản.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- Bảng 1, Thu nhập bổ sung và điều chỉnh cho thu nhập;*
- Bảng 2, Phần II, Các loại thuế khác; và*
- Bảng 3, Phần I, Tín thuế không hoàn lại.*

10.

Khấu trừ tiêu chuẩn

Quy định mới

Khấu trừ tiêu chuẩn đã tăng lên. Khoản khấu trừ tiêu chuẩn cho những người đóng thuế không ghi lại từng khoản khấu trừ của họ trong Bảng A (Mẫu 1040) đã tăng lên. Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn của bạn phụ thuộc vào tư cách khai thuế của bạn và các yếu tố khác. Sử dụng Bảng Khấu trừ tiêu chuẩn 2024 ở gần cuối chương này để tính khấu trừ tiêu chuẩn của bạn.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Cách tính số tiền khấu trừ tiêu chuẩn của bạn.
- Khấu trừ tiêu chuẩn cho người phụ thuộc.
- Ai nên khấu trừ từng khoản.

Hầu hết người đóng thuế có thể chọn khấu trừ tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản. Nếu bạn có quyền lựa chọn, bạn có thể sử dụng phương pháp giúp bạn giảm bớt tiền thuế.

Khấu trừ tiêu chuẩn là số tiền làm giảm thu nhập chịu thuế của bạn. Đây là lợi ích giúp nhiều người đóng thuế không phải kê chi tiết các khoản khấu trừ thực tế, chẳng hạn như chi phí y tế, đóng góp từ thiện và thuế, trên Bảng A (Mẫu 1040). Khấu trừ tiêu chuẩn sẽ cao hơn đối với người đóng thuế là người:

- Từ 65 tuổi trở lên, hoặc
- Bị mù.



Bạn được hưởng lợi từ khấu trừ tiêu chuẩn nếu khấu trừ tiêu chuẩn của bạn lớn hơn tổng các mức khấu trừ từng khoản được phép của bạn.

trừ tiêu chuẩn. Khấu trừ tiêu chuẩn của bạn bằng 0 và bạn nên khấu trừ từng khoản mà bạn có nếu:

- Tư cách khai thuế là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, và vợ/chồng của bạn cũng liệt kê từng khoản khấu trừ đối với thu nhập của họ;
- Bạn đang khai thuế cho một năm thuế ngắn do có sự thay đổi trong chu kỳ kế toán hàng năm của bạn; hoặc
- Bạn là người nước ngoài tạm trú hoặc người nước ngoài có tình trạng kép trong năm. Bạn được coi là người nước ngoài có tình trạng kép nếu bạn vừa là người nước ngoài tạm trú vừa là người nước ngoài thường trú trong năm.

Nếu bạn là người nước ngoài tạm trú lập gia đình với công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú vào cuối năm, bạn có thể chọn được đối xử như một công dân Hoa Kỳ. (Xem Ấn phẩm 519.) Nếu bạn thực hiện lựa chọn, bạn có thể dùng khấu trừ tiêu chuẩn.



Nếu bạn có thể được coi là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác (ví dụ trên tờ khai thuế của cha mẹ), khấu trừ tiêu chuẩn của bạn có thể bị giới hạn. Xem Khấu trừ tiêu chuẩn cho Người phụ thuộc ở phần sau.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ăn phẩm

- ☐ **501** Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khai thuế
- ☐ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ☐ **526** Đóng góp từ thiện
- ☐ **530** Thông tin thuế cho Chủ nhà
- ☐ **547** Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm cắp
- ☐ **550** Thu nhập và chi phí đầu tư
- ☐ **936** Khấu trừ lãi của khoản vay thế chấp nhà ở

- **970** Lợi ích thuế cho Giáo dục
Mẫu (và Hướng dẫn)
- **Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản

Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn

Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn phụ thuộc vào tư cách khai thuế của bạn, bạn có phải người từ 65 tuổi trở lên hay bị mù, và liệu người đóng thuế khác có thể khai bạn là người phụ thuộc hay không. Nói chung, khấu trừ tiêu chuẩn được điều chỉnh mỗi năm theo lạm phát. Khấu trừ tiêu chuẩn cho hầu hết mọi người được trình bày trong Bảng 10-1.

Tờ khai cuối cùng của người quá cố. Khấu trừ tiêu chuẩn cho tờ khai thuế cuối cùng của người quá cố tương tự như mức khấu trừ nếu người đã mất tiếp tục sống. Tuy nhiên, nếu người quá cố không đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời, thì không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn.

Khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho tuổi (65 trở lên)

Nếu bạn từ 65 tuổi trở lên vào ngày cuối cùng của năm và không khấu trừ từng khoản, bạn được hưởng khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn. Bạn được coi là 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của bạn. Do đó, bạn có thể nhận khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho năm 2024 nếu bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960.

Sử dụng Bảng 10-2 để tính khấu trừ tiêu chuẩn.

Người đóng thuế đã mất. Nếu bạn đang chuẩn bị tờ khai thuế cho một người đã qua đời vào năm 2024, hãy đọc phần này trước khi sử dụng Bảng 10-2 hoặc Bảng 10-3. Chỉ xem xét người đóng thuế đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2024 nếu qua đời khi đã 65 tuổi hoặc cao hơn. Ngay cả khi người đóng thuế sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, người đó không được coi là đủ 65 tuổi trở lên vào cuối

năm 2024 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho người mù

Nếu bạn bị mù vào ngày cuối cùng của năm và bạn không khấu trừ từng khoản, bạn sẽ được hưởng một khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn.

Không bị mù hoàn toàn. Nếu bạn không bị mù hoàn toàn, bạn phải có chứng nhận từ bác sĩ nhãn khoa (bác sĩ nhãn khoa hoặc chuyên viên đo thị lực) là:

- Bạn không thể nhìn được 20/200 ở mắt tốt hơn khi đeo kính hoặc kính áp tròng, hoặc
- Thị trường của bạn là từ 20 độ trở xuống.

Nếu điều kiện mắt của bạn không thể cải thiện vượt quá những giới hạn này, giấy chứng nhận cần nêu thông tin này. Để giấy chứng nhận đó trong hồ sơ của bạn.

Nếu thị lực của bạn chỉ có thể điều chỉnh được vượt quá những giới hạn này bằng kính áp tròng mà bạn chỉ có thể đeo trong thời gian ngắn vì đau, nhiễm trùng hoặc viêm nhiễm, bạn có thể nhận được khẩu trừ tiêu chuẩn cao hơn dành cho người mù nếu bạn đủ điều kiện.

Vợ/chồng 65 tuổi trở lên hoặc bị mù

Bạn có thể nhận được khẩu trừ tiêu chuẩn cao hơn nếu vợ/chồng của bạn 65 tuổi trở lên hoặc bị mù và:

- Bạn nộp tờ khai thuế chung, hoặc
- Bạn khai thuế riêng và vợ/chồng của bạn không có tổng thu nhập và không thể được tuyên bố là người phụ thuộc bởi một người đóng thuế khác.

Vợ/chồng qua đời. Nếu vợ/chồng của bạn đã qua đời năm 2024 trước khi đủ 65 tuổi, bạn có thể nhận khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn nhờ vợ/chồng của bạn. Ngay cả khi vợ/chồng của bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, người đó không được coi là từ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2024 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Ví dụ: Vợ/chồng của bạn sinh ngày 14 tháng 2, 1960, và mất ngày 13 tháng 2, 2024.

Vợ/chồng của bạn được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời. Tuy nhiên, nếu vợ/chồng của bạn mất ngày 12 tháng 2, 2024, vợ/chồng của bạn không được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời và không đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2024.



Bạn không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho một cá nhân không khác không phải bạn hoặc vợ/chồng của bạn.

Khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho thiệt hại ròng vì thiên tai

Khấu trừ tiêu chuẩn của bạn có thể tăng lên khi có bất kỳ thiệt hại ròng vì thảm họa đủ điều kiện nào.

Xem hướng dẫn cho Mẫu 1040, và Hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040) để biết thêm thông tin về cách tính khấu trừ tiêu chuẩn tăng lên và cách báo cáo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Ví dụ

Các ví dụ sau minh họa cách xác định khấu trừ tiêu chuẩn sử dụng Bảng 10-1 và 10-2.

Ví dụ 1. Một cặp vợ chồng 46 tuổi 33 tuổi khai thuế chung cho năm 2024. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ

thuộc. Họ quyết định không khấu trừ từng khoản. Họ sử dụng Bảng 10-1. Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$29.200.

Ví dụ 2. Thông tin tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc một người vợ/chồng bị mù vào cuối năm 2024. Họ sử dụng Bảng 10-2. Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$30.750.

Ví dụ 3. Một cặp vợ chồng khai thuế chung cho năm 2024. Cả hai đều trên 65 tuổi. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ thuộc. Nếu họ không khấu trừ từng khoản, họ sử dụng Bảng 10-2. Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$32.300.

Khấu trừ tiêu chuẩn cho Người phụ thuộc

Khấu trừ tiêu chuẩn cho một cá nhân có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác thường được giới hạn ở mức lớn hơn:

- \$1.300, hoặc

- Thu nhập kiểm được của cá nhân trong năm cộng với \$450 (nhưng không nhiều hơn khấu trừ tiêu chuẩn thông thường, thường là \$14.600).

Tuy nhiên, nếu cá nhân 65 tuổi trở lên hoặc bị mù, thì khấu trừ tiêu chuẩn có thể cao hơn.

Nếu bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu làm tờ khai thuế chung) có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác, hãy sử dụng Bảng 10-3 để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của bạn.

Định nghĩa thu nhập kiểm được. Thu nhập kiểm được là tiền lương, tiền công, tiền boia, phí chuyên môn, và các khoản tiền khác được trả cho công việc bạn làm trên thực tế.

Vì mục đích khấu trừ tiêu chuẩn, thu nhập kiểm được cũng bao gồm bất kỳ phần nào của học bổng hoặc trợ cấp nghiên cứu sinh chịu thuế.

Tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 970, để biết thêm thông tin về những khoản tiền được đủ điều kiện được coi là học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh.

Ví dụ 1. Bạn 16 tuổi và độc thân. Cha mẹ của bạn có thể khai bạn là người phụ thuộc trong tờ khai thuế 2024 của họ. Bạn có thu nhập từ lãi là \$780 và tiền công \$150 và không có các khoản khấu trừ từng khoản và sử dụng Bảng 10-3 để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình. Bạn nhập \$150 (thu nhập kiếm được) vào dòng 1, \$600 (\$150 + \$450) vào dòng 3, \$1.300 (số lớn hơn giữa \$600 và \$1.300) vào dòng 5, và \$14.600 vào dòng 6. Khấu trừ tiêu chuẩn của bạn, ở dòng 7a, là \$1.300 (số nhỏ hơn giữa \$1.300 và \$14.600).

Ví dụ 2. Bạn là một sinh viên đại học 22 tuổi và có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế năm 2024 của cha mẹ bạn. Bạn đã kết hôn và khai thuế riêng. Vợ/chồng của bạn không khấu trừ từng khoản.

Bạn có thu nhập từ lãi \$1.500 và lương \$3.800 và không có các khoản khấu trừ từng khoản. Bạn xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình bằng cách sử dụng Bảng 10-3. Bạn nhập thu nhập kiếm được của mình, \$3.800, vào dòng 1. Bạn cộng dòng 1 và 2 và nhập \$4.250 ($\$3.800 + \450) vào dòng 3. Ở dòng 5, bạn nhập \$4.250, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì bạn đã kết hôn và khai thuế riêng, bạn nhập \$14.600 vào dòng 6. Ở dòng 7a, bạn nhập \$4.250 là khấu trừ tiêu chuẩn của bạn vì nó nhỏ hơn \$14.600, số tiền ở dòng 6.

Ví dụ 3. Bạn là một người độc thân và có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế 2024 của cha mẹ bạn. Bạn 18 tuổi và bị mù và có thu nhập từ lãi là \$1.300 và lương \$2.900 và không khấu trừ từng khoản. Bạn sử dụng Bảng 10-3 để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình. Bạn nhập mức lương của mình là \$2.900 vào dòng 1 và cộng dòng 1 và 2 và nhập \$3.350 ($\$2.900 + \450) vào dòng 3. Ở dòng 5, bạn nhập \$3.350, số lớn hơn của

dòng 3 và 4. Vì bạn là độc thân, bạn nhập \$14.600 vào dòng 6 và nhập \$3.350 vào dòng 7a. Đây là số nhỏ hơn của số tiền ở dòng 5 và 6. Vì bạn đã đánh dấu vào một ô ở phần trên cùng của bảng tính, bạn nhập \$1.850 vào dòng 7b sau đó bạn cộng số tiền của dòng 7a và 7b và nhập khấu trừ tiêu chuẩn của mình là \$5.300 ($\$3.350 + \1.950) vào dòng 7c.

Ví dụ 4. Bạn 18 tuổi và độc thân và có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế 2024 của cha mẹ bạn. Bạn có mức lương là \$7.000, thu nhập từ lãi là \$500, một khoản lỗ kinh doanh \$3.000 và không có các khoản khấu trừ từng khoản. Bạn sử dụng Bảng 10-3 để tính khấu trừ tiêu chuẩn của mình. Bạn nhập \$4.000 ($\$7.000 - \3.000) vào dòng 1, và cộng dòng 1 và 2 và nhập \$4.450 ($\$4.000 + \450) ở dòng 3. Ở dòng 5, bạn nhập \$4.450, số lớn hơn của dòng 3 và 4 và vì bạn là độc thân, và nhập \$14.600 vào dòng 6.

Ở dòng 7a, bạn nhập \$4.450 là số khấu trừ tiêu chuẩn vì nó nhỏ hơn \$14.600, số tiền ở dòng 6.

Ai nên khấu trừ từng khoản

Bạn nên khấu trừ từng khoản nếu tổng các khoản khấu trừ của bạn nhiều hơn khấu trừ tiêu chuẩn của chính mình. Ngoài ra, bạn nên khấu trừ từng khoản nếu bạn không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn, như thảo luận trước đó ở phần *Những người không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn.*

Đầu tiên, bạn nên tính toán mức khấu trừ từng khoản của mình và so sánh với khấu trừ tiêu chuẩn để xem bạn nên sử dụng phương pháp nào đem lại lợi ích lớn hơn.

Khi nào khấu trừ từng khoản. Bạn có thể hưởng lợi từ việc khấu trừ từng khoản theo Bảng A (Mẫu 1040) nếu bạn:

- Bạn không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn,

- Có nhiều chi phí y tế và nha khoa không được bảo hiểm trong năm,
- Tiền lãi và thuế đã trả cho căn nhà của bạn,
- Có tổn thất lớn do tai biến hoặc trộm cắp không được bảo hiểm,
- Đóng góp lớn cho các tổ chức từ thiện đủ điều kiện, hoặc
- Có tổng các khoản khấu trừ từng khoản lớn hơn khấu trừ tiêu chuẩn mà bạn lẽ ra được hưởng.

Những khoản khấu trừ này được giải thích trong chương 11 và trong các ấn phẩm được liệt kê trong *Các nội dung hữu ích* đã đề cập trước đó.

Nếu bạn quyết định khấu trừ từng khoản, hãy hoàn thành Bảng A (Mẫu 1040) và đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của bạn. Nhập số tiền từ Bảng A (Mẫu 1040), dòng 17, ở Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR, dòng 12.

Chọn khấu trừ từng khoản cho mục đích thuế tiểu bang hoặc các mục đích khác.

Ngay cả khi các khoản khấu trừ từng khoản của bạn nhỏ hơn khấu trừ tiêu chuẩn, bạn có thể chọn khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế liên bang của mình thay vì lấy khoản khấu trừ tiêu chuẩn. Bạn có thể muốn làm việc này, nếu chẳng hạn, mức thuế được miễn từ khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế tiểu bang của bạn lớn hơn mức thuế được miễn mà bạn mất trên tờ khai thuế liên bang khi không lấy khoản khấu trừ tiêu chuẩn. Để đưa ra lựa chọn này, bạn phải đánh dấu vào ô ở dòng 18 của Bảng A (Mẫu 1040).

Đổi ý. Nếu bạn không khấu trừ từng khoản và sau đó thấy rằng bạn nên khấu trừ từng khoản-hoặc nếu bạn khấu trừ từng khoản nhưng sau đó thấy rằng không nên-bạn có thể thay đổi tờ khai thuế của mình bằng cách nộp Mẫu 1040-X, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân được điều chỉnh.


Xem Tờ khai được điều chỉnh và Yêu cầu hoàn thuế ở chương 1 để biết thêm thông tin về tờ khai thuế sửa đổi.

Những người đã kết hôn đã khai thuế riêng. Bạn có thể thay đổi phương pháp khấu trừ chỉ khi bạn và vợ/chồng đều thực hiện những thay đổi giống nhau. Cả hai bạn phải nộp đơn đồng ý đánh giá bất kỳ khoản thuế bổ sung nào mà một người có thể nợ do thay đổi.

Bạn và vợ/chồng của bạn có thể sử dụng phương pháp giúp bạn chịu mức tổng thuế thấp hơn, mặc dù một trong hai người có thể phải trả nhiều hơn số thuế bạn phải trả bằng cách sử dụng phương pháp khác. Cả hai bạn phải sử dụng cùng một phương pháp yêu cầu khấu trừ. Nếu một người khấu trừ từng khoản, người kia cần khấu trừ từng khoản vì người đó sẽ không đủ điều kiện được khấu trừ tiêu chuẩn. Xem *Những người không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn* ở phần trước.

Trang này cố ý để trống

Bảng Khấu trừ tiêu chuẩn 2024



Nếu bạn đã lập gia đình và khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của bạn khấu trừ từng khoản, hoặc nếu bạn là người nước ngoài có tình trạng kép, bạn không được nhận khấu trừ tiêu chuẩn ngay cả khi bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, hoặc bị mù.

Bảng 10-1. Biểu đồ Khấu trừ tiêu chuẩn cho hầu hết mọi người*

NẾU tư cách khai thuế của bạn là...	THÌ khấu trừ tiêu chuẩn của bạn là...
Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	\$14.600
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	29.200
Chủ gia đình	21.900
*Không sử dụng biểu đồ này nếu bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, bị mù, hoặc nếu ai đó có thể khai bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai chung) là người phụ thuộc. Thay vào đó sử dụng Bảng 10-2 hoặc 10-3.	

Bảng 10-2. Biểu đồ Khấu trừ tiêu chuẩn cho người sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, hoặc người bị mù*

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến biểu đồ.

Bạn:

Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960☐

Bị mù☐

Vợ/chồng của bạn:

Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960☐

Bị mù☐

Tổng số ô đã đánh dấu

☐

NẾU tư cách khai thuế của bạn là...	VÀ số trong ô trên là...	THÌ khấu trừ tiêu chuẩn của bạn là...
Độc thân	1	\$16.550
	2	18.5000
Vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế	1	\$30.750
	2	32.300
	3	33.850
	4	35.400
Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	1	\$30.750
	2	32.300
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**	1	\$16.150
	2	17.700
	3	19.250
	4	20.800
Chủ gia đình	1	\$23.850
	2	25.800

*Nếu ai đó khác có thể khai bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc, thay vào đó hãy sử dụng Bảng 10-3.

**Bạn có thể đánh dấu vào ô *Your Spouse (Vợ/chồng của bạn)* nếu tư cách khai thuế của bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của bạn không có thu nhập, không khai thuế, và không thể được khai là người phụ thuộc trên hồ sơ thuế của người khác.

Bảng 10-3. Bảng tính Khấu trừ tiêu chuẩn cho người phụ thuộc
Chỉ sử dụng bảng tính này nếu ai đó khác có thể khai bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc.

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến bảng tính.	
Bạn:	Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960 <input type="checkbox"/> Bị mù <input type="checkbox"/>
Vợ/chồng của bạn:	Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960 <input type="checkbox"/> Bị mù <input type="checkbox"/>
Tổng số ô đã đánh dấu <input type="checkbox"/>	
1. Nhập thu nhập kiếm được của bạn (được xác định bên dưới). Nếu không có, nhập -0-.	1. _____
2. Số tiền bổ sung.	2. _____ \$450
3. Thêm dòng 1 và 2.	3. _____
4. Mức khấu trừ thuế tối thiểu.	4. _____ \$1.300
5. Nhập số lớn hơn của dòng 3 hoặc dòng 4.	5. _____
6. Nhập số tiền hiển thị bên dưới cho tư cách khai thuế của bạn. <ul style="list-style-type: none">• Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế – \$14.600• Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế – \$29.200• Chủ gia đình – \$21.900	6. _____
7. Khấu trừ tiêu chuẩn. a. Nhập số nhỏ hơn của dòng 5 hoặc dòng 6. Nếu sinh sau ngày 1 tháng 1, 1960, và không bị mù, vui lòng dừng lại ở đây. Đây là khấu trừ tiêu chuẩn của bạn. Nếu không, chuyển đến dòng 7b. b. Nếu bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, hoặc bị mù, nhân \$1.950 (\$1.550 nếu đã kết hôn) với số trong ô bên trên. c. Thêm dòng 7a và 7b. Đây là khấu trừ tiêu chuẩn của bạn cho năm 2024.	7a. _____ 7b. _____ 7c. _____
<i>Thu nhập kiếm được</i> bao gồm tiền công, lương, tiền boa, phí chuyên môn, và các khoản thù lao khác nhận được cho các dịch vụ cá nhân mà bạn đã thực hiện. Nó cũng bao gồm bất kỳ khoản trợ cấp học bổng hoặc nghiên cứu sinh chịu thuế nào.	

11.

Các khoản thuế

Nhắc nhở

Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Đạo luật Giảm thuế và việc làm quy định giới hạn tạm thời đối với các khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Xem *Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương* ở phần sau.

Không được khấu trừ thuế nước ngoài đã trả cho bất động sản. Bạn không còn có thể khấu trừ thuế nước ngoài mà bạn đã trả cho bất động sản.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về những loại thuế bạn có thể khấu trừ nếu bạn khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040).

Tại đây các loại thuế nào bạn có thể khấu trừ trên các bảng liệt kê hoặc mẫu khác và loại thuế nào bạn không thể khấu trừ cũng được giải thích.

Chương này trình bày về các chủ đề sau.

- Thuế thu nhập (liên bang, tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tiêu thụ tổng quát (tiểu bang và địa phương).
- Thuế bất động sản (tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tài sản cá nhân (tiểu bang và địa phương).
- Thuế và lệ phí bạn không thể khấu trừ.

Sử dụng Bảng 11-1 làm hướng dẫn để xác định loại thuế nào bạn có thể khấu trừ.

Phần cuối chương có giải thích các mẫu bạn sử dụng để khấu trừ các loại thuế khác nhau.

Thuế kinh doanh. Bạn chỉ có thể khấu trừ một số loại thuế nếu chúng là những chi phí cần thiết theo thông lệ thường phát sinh từ hoạt động buôn bán hoặc kinh doanh của bạn hoặc để tạo ra thu nhập. Để biết thông tin về các loại thuế này, xem *Chi phí kinh doanh* trong Chương 8 của Ấn phẩm 334.

Thuế tiểu bang và địa phương. Đây là các loại thuế được áp đặt bởi 50 tiểu bang, các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của họ (chẳng hạn như một quận hoặc thành phố), hoặc bởi Đặc khu Columbia.

Chính phủ bộ lạc thổ dân. Một chính quyền bộ lạc thổ dân được Bộ Trưởng Tài Chính công nhận thực hiện các chức năng chính trọng yếu của chính quyền sẽ được xem như một bang cho mục đích yêu cầu khấu trừ thuế.

Thuế thu nhập, thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân được áp dụng bởi chính quyền bộ lạc thổ dân đó (hoặc bởi bất kỳ phân khu nào được coi là phân khu chính trị của một bang) có thể được khấu trừ.

Thuế tiêu thụ tổng quát. Đây là loại thuế được áp dụng theo một tỷ lệ trên doanh số bán lẻ của nhiều loại mặt hàng.

Thuế từ nước ngoài. Đây là loại thuế do một quốc gia nước ngoài hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của quốc gia đó áp đặt.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ăn phẩm

- ☐ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ☐ **503** Chi phí chăm sóc Trẻ em và Người phụ thuộc
- ☐ **504** Cá nhân đã ly hôn hoặc ly thân
- ☐ **514** Tín thuế nước ngoài cho Cá nhân

- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **530** Thông tin thuế cho Chủ nhà
- ☐ **Mẫu (và Hướng dẫn)**
- ☐ **Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản
- ☐ **Bảng C (Mẫu 1040)** Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh (Doanh nghiệp cá thể)
- ☐ **Bảng E (Mẫu 1040)** Thu nhập và Lỗ bổ sung
- ☐ **Bảng F (Mẫu 1040)** Lợi nhuận hoặc Lỗ từ nông nghiệp
- ☐ **Bảng SE (Mẫu 1040)** Thuế tự kinh doanh
- ☐ **1116** Tín thuế nước ngoài

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/forms).

Thử thách để khấu trừ thuế

Bạn phải đáp ứng hai thử thách sau để được khấu trừ bất kỳ khoản thuế nào.

- Thuế phải được áp dụng cho bạn.
- Bạn phải trả thuế trong năm tính thuế.

Thuế phải được áp đặt cho bạn. Nói chung, bạn chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế được áp đặt cho bạn.

Thông thường, chỉ khi bạn là chủ sở hữu của bất động sản, bạn có thể khấu trừ thuế tài sản. Nếu vợ/ chồng của bạn sở hữu bất động sản và đóng thuế bất động sản, thuế sẽ được khấu trừ trên hồ sơ thuế khai riêng của vợ/chồng hoặc trên hồ sơ thuế khai chung của bạn.

Bạn phải trả thuế trong năm tính thuế.

Nếu bạn là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, bạn chỉ có thể khấu trừ những khoản thuế đã thực trả trong năm tính thuế của bạn.

Nếu bạn thanh toán thuế bằng chi phiếu đã được cam kết bởi tổ chức tài chính của bạn, ngày bạn gửi qua bưu điện hoặc chuyển chi phiếu là ngày thanh toán. Nếu bạn sử dụng tài khoản thanh toán qua điện thoại (chẳng hạn như thẻ tín dụng hoặc rút tiền điện tử), ngày được báo cáo trên bảng sao kê của tổ chức tài chính cho biết thời điểm thanh toán được thực hiện là ngày thanh toán. Nếu bạn có tranh chấp về trách nhiệm phải đóng thuế và là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, bạn chỉ có thể khấu trừ thuế vào năm bạn thực sự trả khoản thuế đó (hoặc chuyển tiền hoặc tài sản khác để giải quyết trách nhiệm bị tranh chấp). Xem Ấn phẩm 538 để biết chi tiết.

Nếu bạn sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, xem Ấn phẩm 538 để biết thêm thông tin.

Thuế thu nhập

Phần này thảo luận về khả năng khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương (bao gồm đóng góp của nhân viên vào quỹ quyền lợi của tiểu bang) và thuế thu nhập từ nước ngoài.

Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương

Bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương.

Trường hợp ngoại lệ. Bạn không thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà bạn đã trả đối với thu nhập được khấu trừ từ thuế thu nhập liên bang, trừ khi thu nhập khấu trừ là thu nhập từ tiền lãi. Ví dụ, bạn không thể khấu trừ một phần thuế thu nhập của tiểu bang vào khoản trợ cấp sinh hoạt phí được miễn thuế thu nhập liên bang.

Khấu trừ những gì

Khoản khấu trừ của bạn có thể dành cho khoản thuế được khấu lưu, khoản thanh toán

thuế ước tính hoặc các khoản thanh toán thuế khác như sau.

Thuế được khấu trừ. Bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương đã khấu trừ vào tiền lương của bạn trong năm chúng bị khấu trừ. (Các) Mẫu W-2 của bạn sẽ thể hiện các khoản này. Mẫu W-2G, 1099-B, 1099-DIV, 1099-G, 1099-K, 1099-MISC, 1099-NEC, 1099-OID và 1099-R cũng thể hiện thuế thu nhập tiểu bang và địa phương được khấu trừ.

Các khoản thuế ước tính. Bạn có thể khấu trừ các khoản thuế ước tính mà bạn đã thực hiện trong năm cho chính quyền tiểu bang hoặc địa phương. Tuy nhiên, bạn phải có cơ sở hợp lý để thực hiện các khoản thuế ước tính. Bất kỳ khoản thuế tiểu bang hoặc địa phương ước tính nào không được thực hiện một cách trung thực tại thời điểm thanh toán sẽ không được khấu trừ.

Ví dụ. Bạn đã đóng thuế thu nhập tiểu bang ước tính. Tuy nhiên, ước tính về trách nhiệm đóng thuế tiểu bang cho thấy bạn sẽ được hoàn lại toàn bộ số tiền thanh toán ước tính của bạn. Bạn không có cơ sở hợp lý để chứng minh bạn có bất kỳ trách nhiệm bổ sung nào đối với thuế thu nhập tiểu bang, thì bạn không thể khấu trừ khoản thuế ước tính đó.

Tiền hoàn thuế áp dụng trả thuế. Bạn có thể khấu trừ bất kỳ phần nào của khoản hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương từ năm trước mà bạn đã tính vào thuế thu nhập địa phương hoặc tiểu bang ước tính năm 2024 của bạn.

Không khấu trừ khoản khấu trừ của bạn theo một trong các mục sau.

- Bất kỳ khoản hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương (hoặc tín thuế) bạn muốn nhận cho năm 2024.

- Mọi khoản hoàn thuế của (hoặc tín dụng cho) thuế thu nhập địa phương và tiểu bang của năm trước mà bạn thực sự nhận được vào năm 2024.

Tuy nhiên, một phần hoặc toàn bộ khoản hoàn thuế (hoặc tín thuế) này có thể bị đánh thuế. Xem *Hoàn thuế (hoặc tín thuế) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương* ở phần sau.

Tờ khai liên bang riêng. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn khai thuế thu nhập tiểu bang, địa phương và liên bang riêng biệt, mỗi người chỉ có thể khấu trừ trên tờ khai liên bang của người đó số thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà người đó đã trả trong năm tính thuế.

Tờ khai tiểu bang và địa phương khai chung. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn khai chung thuế tiểu bang và địa phương và khai riêng thuế liên bang, mỗi người có thể khấu trừ trên hồ sơ thuế liên bang khai riêng của người đó một phần thuế thu nhập tiểu bang và địa phương đã trả trong năm tính thuế.

Bạn chỉ có thể khấu trừ tổng số thuế tương ứng với tổng thu nhập của bạn so với tổng thu nhập của bạn và vợ/chồng của bạn. Tuy nhiên, bạn không thể khấu trừ nhiều hơn số tiền bạn đã thực trả trong năm. Bạn có thể tránh phương pháp tính này nếu bạn và vợ/chồng của bạn phải chịu trách nhiệm chung và cá nhân đối với toàn bộ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương. Nếu vậy, bạn và vợ/chồng của bạn có thể khấu trừ vào hồ sơ khai riêng thuế liên bang mà mỗi người đã thực trả.

Khai thuế liên bang chung. Nếu bạn khai thuế liên bang chung, bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà cả hai người đã trả.

Đóng góp vào quỹ quyền lợi tiểu bang. Là người lao động, bạn có thể khấu lưu các khoản đóng góp bắt buộc vào quỹ quyền lợi của tiểu bang từ tiền lương của bạn để bảo toàn lương.

Ví dụ, một số bang yêu cầu người lao động đóng góp vào quỹ của bang cung cấp trợ cấp bảo hiểm tàn tật hoặc thất nghiệp. Các khoản thanh toán bắt buộc vào các quỹ quyền lợi của tiểu bang sau đây được khấu trừ dưới dạng thuế thu nhập của tiểu bang trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a.

- Quỹ Trợ cấp thất nghiệp Alaska.
- Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp California.
- Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp New Jersey.
- Quỹ Trợ cấp thất nghiệp New Jersey.
- Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp New York.
- Quỹ Trợ cấp thất nghiệp Pennsylvania.
- Quỹ Quyền lợi cho người bị khuyết tật tạm thời Đảo Rhode.

- Quỹ Trợ cấp công nhân bổ sung Tiểu bang Washington.



Khoản đóng góp của người lao động cho các chương trình dành cho người khuyết tật tư nhân hoặc tự nguyện không được khấu trừ.

Khoản hoàn thuế (hoặc tín thuế) của thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương. Nếu bạn nhận được khoản hoàn thuế của (hoặc tín thuế cho) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương trong năm sau năm bạn quyết toán, bạn có thể phải bao gồm khoản hoàn thuế vào thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm bạn nhận được. Các khoản này bao gồm các khoản tiền hoàn lại do các khoản thuế bị khấu trừ, áp dụng từ hồ sơ khai thuế năm trước, không được tính chính xác hoặc được tính lại do hồ sơ khai thuế đã sửa đổi. Nếu bạn không khấu trừ từng khoản trong năm trước, thì đừng gộp khoản hoàn thuế vào thu nhập.

Nếu bạn đã khấu trừ các khoản thuế trong năm trước, hãy gộp toàn bộ hoặc một phần khoản hoàn thuế trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm bạn nhận được khoản hoàn thuế. Để xem hướng dẫn về số tiền cần gộp, xem *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn phẩm 525, Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế, để biết thêm thông tin.

Thuế thu nhập từ nước ngoài

Nói chung, bạn có thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế đối với thuế thu nhập được áp dụng cho bạn bởi một quốc gia nước ngoài hoặc một vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ. Tuy nhiên, bạn không thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế cho các khoản thuế thu nhập từ nước ngoài được trả dựa trên thu nhập đã được miễn thuế từ Hoa Kỳ theo loại trừ thu nhập kiếm được từ nước ngoài hoặc loại trừ thu nhập từ nhà ở nước ngoài. Để biết thông tin về các loại trừ này, xem Ấn phẩm 54, Hướng dẫn thuế cho Công dân Hoa Kỳ và Người nước ngoài thường trú

sống ở nước ngoài. Để biết thông tin về tín thuế nước ngoài, xem Ấn phẩm 514.

Thuế Tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương

Bạn có thể chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thay vì thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương, như một khoản khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a. Bạn có thể sử dụng chi phí thực tế hoặc bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương để tính khoản khấu trừ thuế tiêu thụ của bạn.

Chi phí thực tế. Thông thường, bạn có thể khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thực tế (bao gồm cả thuế sử dụng bù) nếu thuế suất giống như thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Thực phẩm, quần áo, và vật tư y tế. Thuế tiêu thụ đối với thực phẩm, quần áo và vật tư y tế được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng

quát ngay cả khi thuế suất thấp hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Xe có động cơ. Thuế tiêu thụ đối với xe có động cơ được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng quát ngay cả khi thuế suất nhỏ hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát. Tuy nhiên, nếu bạn đã trả thuế tiêu thụ cho một chiếc xe có mức thuế suất cao hơn thuế tiêu thụ tổng quát, bạn chỉ có thể khấu trừ số thuế có thể đã phải trả theo thuế suất thuế tiêu thụ tổng quát cho chiếc xe đó. Bao gồm mọi khoản thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một chiếc xe có động cơ được cho thuê. Theo mục đích của phần này, xe có động cơ bao gồm ô tô, xe máy, nhà trên xe có động cơ, xe giải trí, xe thể thao đa dụng, xe tải, xe van và xe địa hình.



Nếu bạn sử dụng phương pháp chi phí thực tế, bạn phải có biên lai để thể hiện các khoản thuế tiêu thụ tổng quát đã nộp.

Hàng hóa thương mại hoặc kinh doanh.

Không bao gồm thuế tiêu thụ được trả cho các mặt hàng được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh của bạn trên Bảng A (Mẫu 1040). Thay vào đó, hãy chuyển đến hướng dẫn dành cho mẫu bạn đang sử dụng để báo cáo thu nhập và chi phí kinh doanh để xem bạn có thể khấu trừ các khoản thuế này hay không.

Bảng thuế tiêu thụ tùy chọn. Thay vì sử dụng các chi phí thực tế, bạn có thể tính khoản khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương bằng cách sử dụng bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương trong Hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040). Bạn cũng có thể thêm thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một số mặt hàng cụ thể.

Số thuế trên bảng có thể áp dụng của bạn dựa trên tiểu bang nơi bạn sống, thu nhập của bạn và số người trong gia đình bạn.

Thu nhập của bạn là tổng thu nhập đã điều chỉnh cộng với bất kỳ khoản nào không chịu thuế như sau.

- Tiền lãi miễn thuế.
- Quyền lợi của cựu chiến binh.
- Lương chiến đấu không chịu thuế.
- Tiền bồi thường cho người lao động.
- Phần không chịu thuế của phúc lợi an sinh xã hội và phúc lợi hưu trí đường sắt.
- Phần không chịu thuế của IRA, hưu bổng, hoặc phân phối niên kim, không bao gồm trường hợp gia hạn.
- Khoản hỗ trợ công.

Nếu bạn sống ở các tiểu bang khác nhau trong cùng một năm tính thuế, bạn phải chia tỷ lệ số thuế bằng có thể áp dụng cho mỗi tiểu bang dựa trên những ngày bạn sống ở mỗi tiểu bang. Xem hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, để biết thêm chi tiết.

Thuế Bất động sản của tiểu bang và địa phương

Thuế bất động sản được khấu trừ là bất kỳ loại thuế nào của tiểu bang và địa phương áp cho bất động sản để phục vụ cho phúc lợi công cộng chung. Bạn chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế này nếu chúng được đánh giá thống nhất đối với tất cả tài sản thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế. Tiền thu được phải dành cho mục đích cộng đồng hoặc chính quyền nói chung và không phải là khoản chi trả cho một đặc quyền đặc biệt hoặc dịch vụ được cung cấp cho bạn.

Các khoản thuế bất động sản được khấu trừ thường không bao gồm thuế tính cho các lợi ích địa phương và các cải tiến làm tăng giá trị của bất động sản. Chúng cũng không bao gồm các khoản phí từng phần cho các dịch vụ (chẳng hạn như thu gom rác) được đánh giá dựa trên tài sản cụ thể hoặc một số người nhất định, ngay cả khi khoản phí được trả cho cơ quan thuế.

Để biết thêm thông tin về các loại thuế và phí không được khấu trừ, hãy xem *Các mục liên quan đến bất động sản bạn không thể khấu trừ* ở phần sau.

Người thuê nắm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở. Thông thường, nếu bạn là người chủ nắm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở, bạn có thể khấu trừ số tiền trả cho doanh nghiệp đại diện cho phần của bạn đối với thuế bất động sản mà công ty đã trả hoặc phải chịu cho đơn vị cư trú của bạn. Doanh nghiệp phải cung cấp bản kê khai cho thấy phần thuế của bạn. Để biết thêm thông tin, xem *Special Rules for Cooperatives (Quy tắc đặc biệt cho Hợp tác xã)* trong Ấn phẩm 530.

Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua. Nếu bạn mua hoặc bán bất động sản trong năm, thuế bất động sản phải được phân chia giữa người mua và người bán.

Người mua và người bán phải phân chia thuế bất động sản theo số ngày trong năm tính thuế bất động sản (thời gian áp thuế liên quan) mà mỗi người sở hữu bất động sản đó. Người bán được coi là đã thanh toán các khoản thuế đến, nhưng không bao gồm, ngày bán. Người mua được coi là thanh toán các khoản thuế bắt đầu từ ngày bán. Điều này áp dụng bất kể ngày sai áp theo luật địa phương. Thông thường, thông tin này được ghi nhận trong báo cáo quyết toán được cung cấp vào thời điểm kết thúc việc mua bán.

Nếu bạn (người bán) không thể khấu trừ thuế cho đến khi chúng được thanh toán vì bạn sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt và người mua tài sản phải chịu trách nhiệm cá nhân về thuế, bạn được coi là đã thanh toán phần thuế của bạn tại thời điểm bán hàng. Điều này cho phép bạn khấu trừ phần thuế đó cho đến ngày bán mặc dù bạn không thực sự đã thanh toán nó.

Tuy nhiên, bạn cũng phải tính số thuế đó vào giá bán bất động sản. Người mua phải tính số tiền tương tự vào giá vốn của mình đối với tài sản.

Bạn tính khoản khấu trừ thuế cho mỗi tài sản được mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn



Lưu giữ cho hồ sơ của bạn

1. Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản _____
2. Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó _____

3. Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366) _____
4. Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b _____

Ghi chú. Lặp lại các bước từ 1 đến 4 cho từng tài sản bạn đã mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản. Tổng số tiền khấu trừ của bạn là tổng số tiền trên dòng 4 cho tất cả các tài sản.

Thuế bất động sản cho những năm trước.

Không phân chia các khoản thuế còn nợ giữa người mua và người bán nếu các khoản thuế này dành cho bất kỳ năm tính thuế bất động sản nào trước năm tài sản được bán. Ngay cả khi người mua đồng ý thanh toán các khoản thuế còn nợ, người mua cũng không thể khấu trừ chúng. Người mua phải cộng chúng vào

giá tài sản. Người bán có thể khấu trừ các khoản thuế người mua đã trả. Tuy nhiên, người bán phải bao gồm chúng trong giá bán.

Ví dụ. Các ví dụ sau đây giải thích cách phân chia thuế bất động sản giữa người mua và người bán.

Ví dụ 1. Năm tính thuế bất động sản của Porter và Riley White cho cả nhà cũ và nhà mới của họ là năm dương lịch với thời hạn thanh thuế là ngày 1 tháng 8. Thuế cho ngôi nhà cũ của họ, được bán vào ngày 7 tháng 5, là \$620. Thuế cho ngôi nhà mới của họ, mua vào ngày 3 tháng 5, là \$732. Porter và Riley được coi là đã trả một phần tương xứng thuế bất động sản cho ngôi nhà cũ mặc dù họ không thực sự nộp cho cơ quan thuế. Mặt khác, họ chỉ có thể yêu cầu một phần tương xứng trong số thuế họ đã trả cho bất động sản mới của họ mặc dù họ đã trả toàn bộ số tiền.

Porter và Riley sở hữu ngôi nhà cũ của họ trong năm tính thuế bất động sản cho 126 ngày (từ ngày 1

tháng 1 đến ngày 6 tháng 5, một ngày trước khi bán). Họ tính khoản khấu trừ thuế đối với ngôi nhà cũ của họ như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn – Các khoản thuế đối với nhà cũ

1. Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản \$620
2. Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó 127
3. Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)3470

4. Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b \$215

Vì người mua căn nhà cũ của họ đã trả tất cả các loại thuế nên Porter và Riley cũng tính cả \$215 vào giá bán căn nhà cũ. (Người mua thêm \$215 vào chi phí mua nhà của họ.)

Porter và Riley sở hữu ngôi nhà mới trong năm tính thuế bất động sản trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12, tính cả ngày mua). Họ tính toán khoản khấu trừ thuế cho ngôi nhà mới của họ như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn – Các khoản thuế đối với nhà mới

1. Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất

1. Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản \$732

2. Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó 243

3. Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)6639

4. Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b \$486

Vì Porter và Riley đã trả tất cả các khoản thuế cho ngôi nhà mới, họ cộng thêm \$246 (\$732 đã trả trừ đi khoản khấu trừ \$486) vào chi phí của họ cho ngôi nhà mới. (Người bán cộng \$246 này vào giá bán của họ và khấu trừ \$246 như thuế bất động sản.)

Khoản khấu trừ thuế bất động sản của Porter và Riley cho ngôi nhà cũ và mới của họ là tổng của \$215 và \$486, là \$701. Họ sẽ nhập số tiền này vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b.

Ví dụ 2. Reese và Quin Brown mua một ngôi nhà mới vào ngày 03 tháng 05, 2024. Năm tính thuế bất động sản đối với ngôi nhà mới là năm dương lịch. Thuế bất động sản năm 2023 ở tiểu bang của họ được tính vào ngày 01 tháng 01, 2024. Các khoản thuế sẽ đến hạn vào ngày 31 tháng 5, 2024 và ngày 31 tháng 10, 2024.

Nhà Browns đồng ý thanh toán tất cả các khoản thuế đến hạn sau ngày mua. Thuế bất động sản năm 2023 là \$680.

Họ đã trả \$340 vào ngày 31 tháng 5, 2024 và \$340 vào ngày 31 tháng 10, 2024. Khoản thuế này dành cho năm tính thuế bất động sản 2023.

Nhà Browns không thể khấu trừ chúng vì họ không sở hữu tài sản cho đến năm 2024. Thay vào đó, họ phải cộng thêm \$680 vào chi phí của ngôi nhà mới.

Tháng 1 năm 2025, nhà Browns nhận được báo cáo thuế bất động sản năm 2024 với giá \$752, số tiền họ sẽ trả vào năm 2025. Nhà Browns sở hữu ngôi nhà mới của họ trong năm tính thuế bất động sản 2024 trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12). Họ sẽ tính khoản khấu trừ thuế vào năm 2025 như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn – Thuế đối với nhà mới

1. Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản \$752
2. Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó 243
3. Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)6639
4. Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b \$499

\$253 còn lại (\$752 đã trả trừ đi khoản khấu trừ \$499) thuế đã trả vào năm 2025, cùng với

\$680 đã trả vào năm 2024, được thêm vào chi phí của ngôi nhà mới.

Vì các khoản thuế tính đến ngày bán được cho là do người bán thanh toán vào ngày bán, người bán được khấu trừ thuế năm 2024 là \$933. Đây là tổng số tiền \$680 cho năm 2023 và \$253 trong 123 ngày mà người bán sở hữu ngôi nhà vào năm 2024. Người bán cũng phải gộp \$933 vào giá bán khi họ tính toán lãi hoặc lỗ khi bán. Người bán nên liên hệ với nhà Brown vào tháng 1 năm 2025 để biết mức thuế bất động sản phải nộp cho năm 2024.

Mẫu 1099-S. Đối với một số giao dịch mua bán hoặc trao đổi bất động sản nhất định, người chịu trách nhiệm kết thúc giao dịch mua bán (thường là đại lý quyết toán) chuẩn bị Mẫu 1099-S, Tiền thu được từ giao dịch bất động sản, để khai báo một số thông tin nhất định cho IRS và cho người bán tài sản. Ô 2 của Mẫu 1099-S dành cho tổng số tiền thu được từ việc bán và phải bao gồm phần nghĩa

vụ thuế bất động sản của người bán mà người mua sẽ trả sau ngày bán. Người mua bao gồm các khoản thuế này trong cơ sở giá gốc của bất động sản, và người bán vừa khấu trừ số tiền này như một khoản thuế đã trả vừa tính nó vào giá bán của bất động sản.

Đối với giao dịch bất động sản liên quan đến nhà ở, bất kỳ khoản thuế bất động sản nào mà người bán đã trả trước nhưng đó là trách nhiệm của người mua sẽ xuất hiện trên Mẫu 1099-S, ô 6. Người mua khấu trừ số tiền này như khoản thuế bất động sản, và người bán giảm khấu trừ thuế bất động sản của mình (hoặc đưa nó vào thu nhập) cùng một số tiền. Xem *Hoàn thuế (hoặc hoàn lại)* ở phần sau.

Thuế đặt trong quỹ bảo chứng. Nếu khoản thanh toán thế chấp hàng tháng của bạn bao gồm một khoản tiền được đưa vào quỹ bảo chứng (do bên thứ ba chăm sóc) để trả thuế bất động sản, bạn có thể không được khấu trừ tổng số tiền đã gửi vào quỹ bảo chứng.

Bạn chỉ có thể khấu trừ thuế bất động sản mà bên thứ ba đã thực trả cho cơ quan thuế. Nếu bên thứ ba không thông báo cho bạn về số tiền thuế bất động sản đã trả, hãy liên hệ với bên thứ ba hoặc cơ quan thuế để tìm số tiền thích hợp để khai trên hồ sơ khai thuế của bạn.

Chủ quyền trọn. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn sở hữu toàn bộ tài sản và bạn nộp hồ sơ khai thuế liên bang riêng, mỗi người sẽ chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế mà mỗi người đã trả cho tài sản đó.

Cá nhân đã ly hôn. Nếu thỏa thuận ly hôn hoặc ly thân của bạn quy định rằng bạn phải trả thuế bất động sản cho ngôi nhà thuộc sở hữu của bạn và vợ/ chồng của bạn, một phần các khoản thanh toán của bạn có thể được khấu trừ dưới dạng tiền cấp dưỡng và một phần dưới dạng thuế bất động sản. Xem *Payments to a third party (Thanh toán cho bên thứ ba)* trong Ấn phẩm 504 để biết thêm thông tin.

Bảng 11-1. **Bạn có thể khấu trừ những loại thuế nào?**

Loại thuế	Bạn có thể khấu trừ	Bạn không thể khấu trừ
Lệ phí và Chi phí	Phí và lệ phí là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc tạo ra thu nhập.	Các khoản phí và lệ phí không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc từ việc tạo ra thu nhập, chẳng hạn như phí lấy bằng lái xe, kiểm tra xe hơi, đậu xe hoặc phí cho hóa đơn tiền nước (xem Thuế và phí bạn không thể khấu trừ). Tiền phạt và hình phạt.
Thuế thu nhập	Thuế thu nhập địa phương và tiểu bang. Thuế thu nhập từ nước ngoài. Đóng góp của người lao động vào quỹ tiểu bang được liệt kê trong Đóng góp vào quỹ quyền lợi tiểu bang .	Thuế thu nhập liên bang. Đóng góp của người lao động cho các chương trình cho người khuyết tật tư nhân hoặc tự nguyện. Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương nếu bạn chọn khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương.
Thuế tiêu thụ tổng quát	Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương, bao gồm thuế sử dụng bù.	Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương nếu bạn chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương.
Các khoản thuế khác	Thuế là chi phí của hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn. Thuế áp dụng với tài sản tạo ra thu nhập từ cho thuê hoặc thu nhập từ tác quyền. Một nửa thuế tự kinh doanh đã trả.	Thuế tiêu thụ đặc biệt liên bang, ví dụ như thuế xăng dầu, không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc từ việc tạo ra thu nhập. Thuế tính theo đầu người.
Thuế tài sản cá nhân	Thuế tài sản cá nhân tiểu bang và địa phương.	Các loại thuế hải quan không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc để tạo ra thu nhập.
Thuế bất động sản	Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương. Phần thuế bất động sản của chủ sở hữu được trả bởi doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở.	Thuế bất động sản được coi là áp cho người khác (xem Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua). Thuế bất động sản từ nước ngoài. Thuế cho lợi ích địa phương (có ngoại lệ). Xem Các mục liên quan đến bất động sản bạn không thể khấu trừ . Phí nhặt và thu gom rác (có ngoại lệ). Xem Các mục liên quan đến bất động sản bạn không thể khấu trừ . Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn. Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở.

Trang này cố ý để trống